

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**  
Bản án số: 34 /2020/HC-PT  
Ngày: 21-12-2020  
*V/v: Khiếu kiện quyết định  
hành chính.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Tôn Thị Xuân T

*Các Thẩm phán :* Bà Trần Thị Thanh T

Bà Nguyễn Thị Kiều T

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà:**  
**Ông Nguyễn Trần T - Kiểm sát viên.**

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 40/2020/TLST-HC ngày 12-11-2020 về việc: “ Yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của UBND xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã D ”; của tòa án nhân dân huyện G bị đương sự kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H theo giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Nhân N - sinh năm 1959;

Địa chỉ : Thôn Thuận Quang, xã D , huyện G , TP Hà Nội

**\* Người bị kiện:** UBND xã D , huyện G , TP Hà Nội

Địa chỉ: Xã D , huyện G , thành phố H

Người đại diện theo pháp luật : Ông Tô Hữu V - Chức vụ : Chủ tịch UBND xã.

**2. Chủ tịch UBND xã D , huyện G , thành phố H**

Người diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã D : Ông Nguyễn Quang V  
- Phó chủ tịch UBND xã D .

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

## **1.Chủ tịch UBND huyện G , thành phố H (Vắng mặt)**

( Có đơn xin vắng mặt)

## **2. Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1960;( Vắng mặt)**

Địa chỉ : Thuận Quang, xã D , Gia Lâm, TP H ( xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **\* Nội dung vụ án theo án sơ thẩm như sau:**

Ông Nguyễn Nhân N trình bày : Nguồn gốc thửa đất Ao Nhì là của bố ông là Nguyễn Nhân T thuê làm cửa hàng từ trước năm 1945 không có giấy tờ, sau cách mạng tháng 8 và cải cách ruộng đất vẫn được chính quyền cho sử dụng nguyên canh và gia đình tôi đã quản lý sử dụng diện tích đất Ao N từ đó cho đến nay và đã đổ cát, đất trồng tre một phần; một phần trồng chuối, hoa màu... ông đã nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước. Việc này, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện đều xác nhận gia đình ông hàng năm đóng thuế đất từ năm 2007 đến 2011. Tại Thông báo kết quả giải quyết đơn đề nghị của một số công dân số 135/TB-UB ngày 26/7/2018 - thôn Thuận Quang, xã D có kết luận như sau: “*Bộ phận địa chính, hồ sơ lưu tại xã: Theo bản đồ năm 1986, thửa đất này không được thể hiện trên bản đồ. Theo bản đồ năm 1993, 1994 và theo sổ dã ngoại là thửa đất số 52, diện tích 2.194 m<sup>2</sup>, thể hiện đất “ao” không ghi tên người sử dụng*”. Như vậy, có thể khẳng định là 265m<sup>2</sup> đất tại khu Ao Nhì là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 34 tại thôn Thuận Quang, xã D , huyện G , thành phố H là của gia đình ông quản lý sử dụng. Nếu là của Hợp tác xã thì hồ sơ địa chính phải ghi người quản lý sử dụng là Hợp tác xã. Gia đình ông do không hiểu pháp luật nên chưa kê khai quyền sử dụng đất, vì vậy xã không ghi tên người sử dụng là gia đình tôi và gia đình ông tưởng là đã nộp tiền sử dụng đất là được sử dụng đất (có Biên lai nộp tiền sử dụng đất). Năm 1999 do nước Ao bị ô nhiễm nặng không thả rau được nên gia đình ông đã cho anh Nguyễn Văn Nh (M) người cùng thôn để thả cá nhưng anh Nh thuê đến năm 2004 cá không lớn và chết nên anh Nh trả lại và nay anh Nh có thuê một phần diện tích đất Ao Nh của gia đình để làm lán chứa hàng. Đến năm 2006 gia đình ông san lấp Ao để trồng trọt, khi san lấp chính quyền thôn có lập biên bản yêu cầu để lại rãnh thoát nước là 1,5m. Gia đình ông đã chấp hành và tiếp tục san lấp sau đó trồng rau, trồng nghệ, lá rong. Khi san lấp xong được chính quyền thôn đo diện tích là 265m<sup>2</sup>, từ năm 2007 bố ông giao cho ông quản lý sử dụng. Trong thời gian sử dụng gia đình ông đóng thuế đầy đủ. Theo quy định của Nhà nước, đến năm 2012 do chính sách Nhà nước miễn thuế cho đất Ao, vườn nên gia đình ông không phải nộp nữa. Trong quá trình sử dụng không có sự tranh chấp với ai kể cả chính quyền thôn hay xã. Đến năm 2016 xã thông báo trên đài yêu cầu gia đình ông thu hoạch rau màu trả lại đất cho xã. Năm 2017 gia đình ông làm đơn đề nghị xã xem xét và giải quyết

nhưng xã đã không đồng tình và trả lời bằng Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26-7-2018. Sau đó gia đình khiếu nại lên xã; UBND xã ra Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018. Gia đình tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND huyện G và được UBND huyện G giải quyết và trả lời bằng Quyết định số 2881/QĐ-CT ngày 19-4-2019.

Ông đề nghị hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã D mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình tôi.

***\*Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện trình bày tại Tòa án như sau:*** Việc ông Nguyễn Nhân N và một số công dân thôn Thuận Q có đơn kiến nghị vào các ngày 15-3-2018 và ngày 13-4-2018 Ủy ban nhân dân xã D đã tổ chức hội nghị giải quyết đơn. Sau đó đã có Thông báo 135/TB-UBND ngày 26-7-2018 về việc thông báo kết quả giải quyết đơn đề nghị của một số công dân thôn Thuận Q, xã D. Ngày 17-9-2018 ông Nguyễn Nhân N và một số công dân thôn Thuận Q có đơn khiếu nại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã D và ngày 06-11-2018, Ủy ban nhân dân xã D đã có Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N trú tại thôn Thuận Quang, xã D (lần đầu). Ông Nguyễn Nhân N không thống nhất với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân xã D và đã có đơn khiếu nại tới Ủy ban nhân dân huyện G khiếu nại đối với Quyết định 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D và ngày 19-4-2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố H đã có Quyết định số 2881/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N trú tại thôn Thuận Q, xã D, huyện G, thành phố H (lần hai).

Vậy, Ủy ban nhân dân xã khẳng định Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N trú tại thôn Thuận Q, xã D là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện G trình bày tại Tòa án như sau:*** Ủy ban nhân dân xã D nhận được đơn đề nghị của 07 hộ dân, trong đó có ông Nguyễn Nhân N - trú tại: Thôn Thuận Q, xã D đề nghị đăng ký kê khai đối với diện tích đất tại khu Ao N, thôn Thuận Q, xã D. Vị trí đất các hộ đề nghị đã được thống kê vào đất công (vị trí C59). Ngày 26-7-2018, UBND xã D có Thông báo số 135/TB-UBND thông báo kết quả giải quyết đơn của một số công dân thôn Thuận Q. Tại văn bản trên, UBND xã đã trả lời diện tích khu Ao Nh thôn Thuận Q đã được thống kê vào vị trí đất công

(số ký hiệu C59). Không thống nhất với nội dung thông báo ông Nguyễn Nhân N đã làm đơn khiếu nại. Ngày 06-11-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D có Quyết định số 185/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N trú tại: Thôn Thuận Quang, xã D (lần đầu). Ông N không đồng ý với Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D với lý do: Ao Nh không phải là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Vì gia đình ông đã sử dụng phần đất Ao Nh từ năm 1954 đến nay (có xác nhận của các ông bà cao tuổi trong thôn); gia đình ông thực hiện việc nộp thuế nhà đất theo quy định (gia đình ông N cung cấp được biên lai nộp thuế nhà đất từ năm 2009 đến năm 2011). Tại buổi làm việc ông N đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông theo quy định của pháp luật. Ngày 19-4-2019, Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 2881/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N - trú tại: Thôn Thuận Q, Dương X, huyện G, thành phố H (lần hai). Tại Điều 1 Quyết định ghi: *“Bác đơn của ông Nguyễn Nhân N khiếu nại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND xã D về nội dung kết luận Ao Nh thuộc thửa 52, diện tích 2.149m<sup>2</sup> và thửa số 62, diện tích 538m<sup>2</sup> tờ bản đồ 34 là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý”*. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N.

Với nội dung bản án sơ thẩm như trên Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N đối với Ủy ban nhân dân xã D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D về việc: Yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D.

+ Về án phí : Miễn nộp tiền án phí Hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Nhân N.

- Sau khi Tòa án nhân dân huyện G xét xử:

Ngày 04/9/2020 ông Nguyễn Nhân N có đơn kháng cáo. Với nội dung : đề nghị Tòa án Nhân dân Thành phố H xem xét hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D.

- **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Người bị kiện UBND xã D và người liên quan UBND Huyện G vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Dương sự đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

- Ông Nguyễn Nhân N có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2020. Ngày 04/9/2020 ông có đơn kháng cáo là hợp lệ. Ông N thuộc trường hợp được miễn án phí.

- Tòa án nhân dân huyện G xác định thông báo số 135/TB-UBND ngày 26/7/2018 là quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện G là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng Hành chính.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 27-6-2019, ông Nguyễn Nhân N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện G với nội dung: Yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của UBND xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D. Đây là khiếu kiện Quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và quyền khởi kiện vụ án hành chính: Ông N yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D là các văn bản do cơ quan hành chính Nhà nước ban hành làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân được áp dụng một lần nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính. Ông N cho rằng, hai văn bản trên xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông nên ông N có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26-7-2018, Ủy ban nhân dân xã D

ban hành Thông báo số 135/TB-UBND về kết quả giải quyết đơn đề nghị của một số công dân thôn Thuận Q, xã D và ngày 06-11-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị B, ông Nguyễn Đắc T, ông Nguyễn Văn O, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Đắc Q, ông Nguyễn Nhân N, bà Nguyễn Thị C cùng trú tại thôn Thuận Q, xã D (lần đầu). Ngày 27-6-2019, ông Nguyễn Nhân N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện G là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Nhân N khởi kiện vụ án hành chính nên ông N là người khởi kiện. Ủy ban nhân dân xã D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D là cơ quan, tổ chức, cá nhân ban hành Quyết định hành chính bị ông N khởi kiện nên là người bị kiện theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 3 của Luật Tố tụng Hành chính.

**- Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính:**

[5] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính:

- Về thẩm quyền : Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26/7/2018 của UBND xã D về việc diện tích Ao Nhì nằm trong định danh số hiệu vị trí C59 là diện tích đất công do UBND xã quản lý : đây là thông báo có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với 07 hộ gia đình trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Nhân N nên thông báo này được coi là quyết định hành chính của UBND xã D và UBND xã D có thẩm quyền ban hành thông báo này.

- Về nội dung thông báo 135/TB-UBND: Việc các hộ dân cho rằng thửa đất của các hộ là đất sử dụng từ thời pháp thuộc, hòa bình lập lại, khi cải cách ruộng đất các hộ vẫn được giữ nguyên và thả bèo, đến năm 2007 các hộ phun cát, san lấp đất ao để trồng rau màu, do đất được các cụ để lại, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, có hộ xuất trình biên lai nộp thuế nhưng không ghi rõ vị trí thửa đất.

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã, thửa đất số 52,62 tờ bản đồ số 34 tổng diện tích 2.812m<sup>2</sup> không ghi tên người sử dụng và diện tích khu ao Nhì thôn Thuận Q đã được thống kê vào đất công theo văn bản số 883/UBND-TNMT ngày 01/6/2016 của UBND huyện G về việc quản lý, sử dụng đất công do UBND xã quản lý. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại ngày 13/10/2018 của tổ xác minh do UBND xã D thành lập đã kết luận: “ 07 ông bà không cung cấp được giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất đang sử dụng theo Điều 100 luật đất đai năm 2013; các ông bà chỉ cung cấp bản pho to biên lai thu thuế nhà, đất nhưng không ghi rõ vị trí thửa đất. Việc các ông bà nộp thuế là nghĩa vụ của người sử dụng đất,

là một trong các căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất mà không phải là căn cứ xác định quyền sử dụng đất, theo điều 1 luật thuế sử dụng đất nông nghiệp 1993 và điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Từ năm 2007 khi các hộ phun cát vào Ao Nh, lãnh đạo UBND thôn Thuận Q đã lập biên bản đình chỉ nhưng UBND xã D chưa giải quyết dứt điểm. Ông Nguyễn Nhân N không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc đất đai theo Điều 100 luật đất đai 2013. Vì vậy chủ tịch UBND xã D là người chịu trách nhiệm trước nhà nước đối với đất được giao để quản lý trong đó có diện tích ao Nhì.

Từ nhận định trên, thông báo 135 là văn bản hành chính của UBND xã D trong việc quản lý đất đai ở địa phương là đúng.

Sau khi nhận được Thông báo số 135/TB-UBND, ông N cùng một số công dân khác đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D. Ủy ban nhân dân xã D đã lập tổ xác minh để tiến hành xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Ngày 06-11-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D đã ban hành quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị Bảo, ông Nguyễn Đắc Thạch, ông Nguyễn Văn O, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Đắc Q, ông Nguyễn Nhân N, bà Nguyễn Thị Ch cùng trú tại thôn Thuận Q, xã D là đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo hình thức quyết định theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng không có ý kiến thắc mắc gì về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính trên.

Kiểm tra hồ sơ quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã D thể hiện gia đình ông N không kê khai sử dụng thửa đất ao nào tại khu Ao Nh. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ruộng của ông Nguyễn Nhân N kê khai năm 1986, đăng ký 164m<sup>2</sup> đất ở do các cụ để lại, không kê khai diện tích đất nào khác. Tờ khai sử dụng ruộng đất kê khai năm 1987 ghi tên Nguyễn Thị Đ (Nh), thửa số 68, diện tích 164m<sup>2</sup>. Cơ sở thôn Thuận Q cung cấp Biên bản giải quyết sự việc ngày 17-4-2007 có ghi các hộ thuê đất khu Ao Nh, tự phun cát để trồng rau.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã D xác định khu Ao Nh là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý là có căn cứ, đúng với hồ sơ địa chính và phù hợp với khoản 2 Điều 7, Điều 8 và Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, ông N yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã D là không có cơ sở chấp nhận.

[6.2] Đối với Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị B, ông Nguyễn Đắc Th, ông Nguyễn Văn O, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Đắc Q, ông Nguyễn Nhân N, bà Nguyễn Thị C cùng trú tại thôn Thuận Quang, xã D (lần đầu): Sau khi nhận được Thông báo số 135/TB-UBND, ngày 26-7-2018, Ông Nguyễn Nhân N đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch

UBND xã D . Căn cứ nội dung khiếu nại của ông N , Ủy ban nhân dân xã D đã thành lập tổ xác minh để xác minh các nội dung khiếu nại, đã tiến hành kiểm tra xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng khu đất Ao Nh, tiến hành đối thoại với ông N cũng như các hộ dân khác ngày 02-11-2018 và Kết luận các nội dung liên quan đến khiếu nại của ông N theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2013 của Chính phủ, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D quyết định không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N cùng một số hộ dân khác và giữ nguyên Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã D là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[6.3]Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D , ông Nguyễn Nhân N đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G . Ngày 26-3-2018, Ủy ban nhân dân huyện G đã tổ chức đối thoại với ông N nhưng ông N không thống nhất với dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện G . Và ngày 19-4-2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G đã ban hành Quyết định số 2881/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Nhân N với nội dung: Bác đơn của ông Nguyễn Nhân N khiếu nại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch UBND xã D . Do người khởi kiện không yêu cầu xem xét đối với quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26/7/2018 của UBND xã D đã nêu trên là đúng qui định Pháp Luật, quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 6/11/2018 của chủ tịch UBND xã D đã giữ nguyên thông báo số 135 vì vậy quyết định giải quyết khiếu nại số 185 ngày 6/11/2018 của chủ tịch UBND xã D là đúng pháp luật.Vì vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N đối với Ủy ban nhân dân xã D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D về việc Yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

- **Về án phí:** [8] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N nên ông N phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm nhưng xét ông N là người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí cho ông N theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là có căn cứ.



Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;- Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP của Chính phủ;- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử :** I.Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Nhân N , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2020/HNGĐ-ST ngày 28/8/2020 của tòa án nhân dân huyện G cụ thể như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhân N đối với Ủy ban nhân dân xã D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D về việc: Yêu cầu hủy Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã D và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D .

II. Về án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí Hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Nhân N .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**